

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trường.

Ông Dương Công Núi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị La Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Văn A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị La Thị T trình bày:

Chị La Thị T và anh Đinh Văn A về chung sống với nhau vào ngày 15/01/2002 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên chị T và anh Đinh Văn A không đi đăng ký kết hôn. Trước khi về chung sống với nhau, hai người có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán của địa phương. Sau khi về chung sống với nhau,

chị T và anh Đinh Văn A sống với nhau vẫn hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đinh Văn A thường xuyên uống rượu say về chửi bới đánh đập chị T. Hai bên gia đình và bản thân chị La Thị T cũng đã tìm cách hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đinh Văn A vẫn không thay đổi. Chị La Thị T và anh Đinh Văn A đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị La Thị T yêu cầu được ly hôn, không công nhận vợ chồng với anh Đinh Văn A.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Đinh Văn D, sinh ngày 04/11/2002 và Đinh Văn L, sinh ngày 18/11/2009. Chị La Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Văn L đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Đinh Văn A cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Đinh Văn D sinh ngày 04/11/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Văn A mặc dù vẫn cư trú tại địa phương, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh Đinh Văn A vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Đinh Văn A không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị La Thị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị La Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Đinh Văn A vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị La Thị T và anh Đinh Văn A là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Đinh Văn L, sinh ngày 18/11/2009 cho chị La Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Đinh Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Đinh Văn D, sinh ngày 04/11/2002 đã trưởng thành, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chị La Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị La Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đinh Văn A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã V, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Đinh Văn A vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Văn A là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T và anh Đinh Văn A chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức cưới hỏi theo tập quán của địa phương từ năm 2002, mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Văn A vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng tại Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh với gia đình anh Đinh Văn A và đại diện chính quyền thôn S, xã V được biết: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đinh Văn A có phát sinh những mâu thuẫn, sau đó chị T đi làm công ty, thời gian đầu vẫn thường xuyên về thăm gia đình nhưng sau đó thì không về nhà chồng nữa mà về nhà mẹ đẻ ở Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sống. Gia đình và thôn đã khuyên bảo hòa giải để hai người tiếp tục chung sống với nhau nhưng không được, chị La Thị T và anh Đinh Văn A đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B. Kết quả xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã V, huyện B cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị La Thị T với anh Đinh Văn A. Vì vậy, chị La Thị T và anh Đinh Văn A không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do chị La Thị T và anh Đinh Văn A sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã sinh được hai người con chung. Do vậy, yêu cầu của chị La Thị T là có căn cứ chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không công nhận chị La Thị T và anh Đinh Văn A là vợ chồng.

[4] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày*

03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; ... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận chị La Thị T và anh Đinh Văn A là vợ chồng.

[5] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và thu thập tài liệu chứng cứ chị La Thị T trình bày có hai người con chung tên là Đinh Văn D, sinh ngày 04/11/2002 và Đinh Văn L, sinh ngày 18/11/2009. Chị La Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Văn L đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Đinh Văn A cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Đinh Văn D đã đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đinh Văn A vắng mặt không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị La Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của luật hôn nhân gia đình. Cháu Đinh Văn L, sinh ngày 18/11/2009 có nguyện vọng ở với mẹ là chị La Thị T nên cần được chấp nhận, cháu Đinh Văn D, sinh ngày 04/11/2002 hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị La Thị T trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đinh Văn A vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị La Thị T trình bày là không có, anh Đinh Văn A vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị La Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ khoản 1 Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị La Thị T và anh Đinh Văn A là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Văn L, sinh ngày 18/11/2009 cho chị La Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Đinh Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đinh Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; cháu Đinh Văn D, sinh ngày 04/11/2002 đã trưởng thành, chị La Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị La Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị La Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002886 ngày 06/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị La Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đinh Văn A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã V, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức

